



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU**  
**THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày 13 / 9 / 2017

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Lê Hạ*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	11 – 52

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 của Tổng Công ty.

### KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 04/06/2010 của UBND Tỉnh Bình Dương; Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, Mã số doanh nghiệp 3700146458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ : 1.717.144.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

#### \* Trụ sở chính

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-650) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-650) 382 4112 – 382 9533
- Website : [www.thalexim.vn](http://www.thalexim.vn)
- E-mail : [thalexim@hcm.vnn.vn](mailto:thalexim@hcm.vnn.vn)
- Mã số thuế : 3700146458

- \* Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng thành viên*

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch Hội đồng thành viên
2. Ông Huỳnh Xuân Phương Thành viên
3. Ông Trần Đình Giáp Thành viên
4. Bà Phạm Thị Băng Trang Thành viên
5. Bà Phạm Thị Kim Thành Thành viên

#### *Kiểm soát viên*

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

#### *Ban Tổng Giám đốc*

1. Ông Đoàn Minh Quang Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
2. Ông Huỳnh Xuân Phương Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Đình Giáp Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phạm Thị Kim Thành Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Đặng Văn Đoàn Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 7 đến trang 52.

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

3482-0  
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH  
SỐ QUẢN LÝ



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2016 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho niên độ kế toán 2016 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang**

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Số: 57/2017/BCTC-NTV.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**KÍNH GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ -**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2016 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2017, từ trang 7 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.





Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**

**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



---

**Phó Tổng Giám đốc – Lê Hạ**

*Phụ trách Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh*

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*Số : 0082-2015-124-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

---

**Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*Số : 1762-2014-124-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.831.564.032.997</b>	<b>4.331.721.830.436</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	922.654.672.328	1.291.013.303.525
111	1 Tiền		194.654.672.328	288.013.303.525
112	2 Các khoản tương đương tiền		728.000.000.000	1.003.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	335.000.000.000
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	-	335.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.557.230.396.878	1.479.545.430.300
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	818.243.105.244	910.686.905.163
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	486.451.723.348	392.997.308.118
136	3 Phải thu ngắn hạn khác	V.5	253.599.234.486	176.924.883.219
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.063.666.200)	(1.063.666.200)
140	IV. Hàng tồn kho		1.346.090.875.112	1.204.335.127.181
141	1 Hàng tồn kho	V.7	1.346.090.875.112	1.204.335.127.181
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.588.088.679	21.827.969.430
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	1.902.608.022	1.761.016.230
152	2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	523.019.893	10.028.201.278
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	3.162.460.764	10.038.751.922
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.231.067.404.286</b>	<b>2.516.942.098.774</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		179.068.802.841	20.280.000.000
211	1 Phải thu dài hạn của khách hàng	V.10	144.453.428.101	-
212	2 Trả trước cho người bán dài hạn	V.11	14.135.374.740	-
216	3 Phải thu dài hạn khác	V.12	20.480.000.000	20.280.000.000
220	II. Tài sản cố định		607.216.741.079	378.408.149.250
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.13	478.118.016.345	257.916.409.302
222	- Nguyên giá		851.573.405.233	597.313.713.601
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(373.455.388.888)	(339.397.304.299)
227	2 Tài sản cố định vô hình	V.14	129.098.724.734	120.491.739.948
228	- Nguyên giá		190.875.166.657	178.051.166.657
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.776.441.923)	(57.559.426.709)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.15	167.253.878.976	168.461.134.512
231	- Nguyên giá		189.947.395.401	189.947.395.401
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.693.516.425)	(21.486.260.889)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		610.253.345.087	913.985.155.074
241	1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.16	7.406.066.393	191.296.137.500
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.17	602.847.278.694	722.689.017.574
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		655.497.898.185	1.004.143.538.185
251	1 Đầu tư vào công ty con	V.18	165.497.898.185	1.004.143.538.185
252	2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.19	490.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.776.738.118	31.664.121.753
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.20	11.438.334.281	31.664.121.753
262	2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	VI.44	338.403.837	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.062.631.437.283</b>	<b>6.848.663.929.210</b>

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.





**TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - TNHH MTV**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.133.236.755.562</b>	<b>5.147.397.337.547</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.409.945.167.296</b>	<b>4.525.217.730.782</b>
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.21	1.048.558.207.793	828.079.902.414
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.22	2.309.404.206	34.573.345.017
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.23	144.809.395.759	153.091.250.457
314	4 Phải trả người lao động		8.768.848.176	783.078.675
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.24	21.486.994.866	2.296.053.560
318	6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.25	264.000.000	-
319	7 Phải trả ngắn hạn khác	V.26	851.506.255	578.222.977
320	8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	2.067.071.118.910	3.336.522.800.688
322	9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	30.562.111.485	24.721.367.432
323	10 Quỹ bình ổn giá	V.29	85.263.579.846	144.571.909.562
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>723.291.588.266</b>	<b>622.179.606.765</b>
332	1 Người mua trả tiền trước dài hạn	V.30	33.840.383.727	-
336	2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.31	403.084.873.219	292.405.617.599
337	3 Phải trả dài hạn khác	V.32	75.147.831.320	77.211.489.166
338	4 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.33	211.218.500.000	252.562.500.000
400	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.929.394.681.721</b>	<b>1.701.266.591.663</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.34	<b>1.929.394.681.721</b>	<b>1.701.266.591.663</b>
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.34.1	1.701.266.591.663	1.701.266.591.663
417	2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.34.2	-	-
418	3 Quỹ đầu tư phát triển	V.34.3	26.858.850.402	-
419	4 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	V.34.4	201.269.239.656	-
421	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.34.5	-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.062.631.437.283</b>	<b>6.848.663.929.210</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.35	6.624.177.048.741	13.732.720.837.770
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.624.177.048.741	13.732.720.837.770
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.36	6.366.110.282.919	13.396.691.463.131
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		258.066.765.822	336.029.374.639
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.37	180.951.611.416	197.103.631.971
22	7 Chi phí tài chính	VI.38	96.327.613.086	217.929.513.810
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		83.921.148.463	110.151.176.572
25	8 Chi phí bán hàng	VI.39	196.782.026.525	206.326.624.353
26	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.40	52.057.842.918	42.629.517.065
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.850.894.709	66.247.351.382
31	11 Thu nhập khác	VI.41	4.980.714.961	2.180.776.892
32	12 Chi phí khác	VI.42	6.001.978.486	780.917.547
40	13 Lợi nhuận khác		(1.021.263.525)	1.399.859.345
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.829.631.184	67.647.210.727
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.43	3.638.533.680	25.673.869.459
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.44	(338.403.837)	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		89.529.501.341	41.973.341.268

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

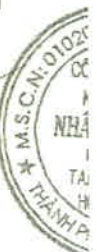


Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		8.647.320.160.330	17.390.738.671.901
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(6.886.613.226.720)	(14.554.196.994.125)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(54.249.960.666)	(64.489.070.947)
04	4 Tiền lãi vay đã trả		(84.199.672.623)	(224.236.157.051)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.23	(22.919.490.991)	(18.782.552.282)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.275.149.301.175	1.565.631.385.582
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.570.967.982.219)	(4.509.921.339.201)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>303.519.128.286</b>	<b>(415.256.056.123)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(171.840.110.073)	(163.692.938.713)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.477.272.727	-
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(685.000.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	335.000.000.000	1.300.000.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		348.645.640.000	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		136.964.544.416	172.664.976.511
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>651.247.347.070</b>	<b>623.972.037.798</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	1 Tiền thu từ đi vay		7.867.162.890.717	12.862.890.393.937
34	2 Tiền trả nợ gốc vay		(9.173.976.838.706)	(12.819.151.772.672)
35	3 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.311.411.261)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.323.125.359.250)</b>	<b>43.738.621.265</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(368.358.883.894)</b>	<b>252.454.602.940</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>1.291.013.303.525</b>	<b>1.038.556.880.058</b>
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		252.697	1.820.527
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>922.654.672.328</b>	<b>1.291.013.303.525</b>

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Khánh Hà

Phạm Thị Băng Trang

Đoàn Minh Quang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2016**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2016 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

**Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

**Ngành nghề kinh doanh** :

- Kinh doanh Xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu Xăng dầu;
- Mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu), hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, bao bì; Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị phụ tùng, sản phẩm điện, điện tử và hàng tiêu dùng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gỗ chạm, gốm sứ; thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng gỗ gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ khác; Mua bán phương tiện vận tải, thiết bị cơ khí dân dụng, thiết bị vật tư ngành in; Mua bán nông, lâm sản chế biến: hạt điều, ca phê, tiêu, đậu, cao su, lương thực, thực phẩm; Mua bán dược liệu; hàng may mặc, dệt, nhuộm;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công cộng, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công các công trình công cộng, giao thông; Thi công hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, nhà ở công nhân. Đầu tư kinh doanh khai thác chợ, siêu thị, trung tâm Thương mại, khu dịch vụ vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp, tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát;
- Kinh doanh kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí;
- Sản xuất gia công giày dép các loại; Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc;
- Sản xuất chế biến hàng nông, lâm, hải sản;



12/11/2016



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Sản xuất bao bì; in ấn bao bì;
- Gia công chế biến Xăng dầu;
- Đầu tư, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, Tổng công ty liên kết.

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm** là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

### Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm Trụ sở chính; Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết sau đây:

- ❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm:**

Tên đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc	Địa chỉ
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
2. Chi nhánh Tổng công ty tại TP Long Xuyên	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
3. Chi nhánh Tổng công ty tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
4. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
5. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
6. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
7. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM
8. Kho Lương thực	TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
9. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I – Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
10. Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu (18 cửa hàng)	Tỉnh Bình Dương
11. Nhà máy sản xuất Bê tông	Tỉnh Bình Dương

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Tổng số lao động của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2016 là 628 lao động.

- ❖ **Hệ thống các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2016 (được trình bày theo giá gốc ở chi tiêu Đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty) bao gồm:**

Công ty con và Công ty liên doanh liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Số 36/8 đường ĐT 743, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	57,00%
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	76,60%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	80%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Số 606 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%
5. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương)	Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	65,02%
6. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương)	Số 306, Đường ĐT 743, Khu phố Trung Thắng, Phường Bình Thắng, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	49%

## Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016 tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sụt giảm mạnh so với năm trước. Nguyên nhân chính là do:

- Ảnh hưởng các tác động của việc giá dầu thế giới giảm liên tục, kéo dài và do ảnh hưởng bởi cơ chế điều hành giá xăng dầu của Nhà nước. Để bảo toàn vốn kinh doanh trong xu thế giá giảm, các đại lý, tổng đại lý chỉ mua hàng cảm chừng, giảm dự trữ để tối ưu hóa tồn kho. Là đơn vị kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, trong đó kinh doanh xăng dầu là hoạt động chủ yếu (chiếm 98% trên tổng doanh thu) nên kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu đã chi phối kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty; và
- Tỷ giá ngoại tệ tăng đã ảnh hưởng lớn đến chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

848  
IG TY  
IEM T  
Y TÁN  
CHI NH  
I THÁNH  
Ổ CHÍ M  
PHỐ HỒ





**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

**Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:
- + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;*

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

**Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).**

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

### 6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

#### 6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 28/11/2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Tài sản cố định khác	05 – 10

### 6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSĐĐ) có thời hạn, QSĐĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSĐĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSĐĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSĐĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSĐĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
- Nhà cửa vật kiến trúc	50

384  
G T  
EM  
TÁ  
NH  
THAN  
CHÍ  
S H  
303848  
CÔNG TY  
KIỂM T  
LẦN TẤ  
CHÍNH  
TẠI TH  
HỒ CHÍ  
PHỐ HI

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 9. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### 10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Tổng Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Tổng Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy.





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

### 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 13. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

### 14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ (gọi là doanh thu nhận trước); các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện khác.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 16. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

#### ❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

#### ❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

### 20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ĐVT: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	16.042.879.500	10.398.139.495
- Tiền gửi ngân hàng [a]	178.611.792.828	277.615.164.030
- Các khoản tương đương tiền [b]	728.000.000.000	1.003.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>922.654.672.328</b>	<b>1.291.013.303.525</b>
[a] Trong đó Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối năm là USD 1,486.46		
[b] Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM.		
<b>2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	<b>335.000.000.000</b>
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đã đáo hạn trong năm.		
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	219.238.912.763	219.238.912.763
- Công ty TNHH Hải Linh	147.509.015.409	71.100.671.839
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	43.177.265.282
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải STS	1.616.592.288	15.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	84.529.022.300	41.920.557.800
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	52.709.228.162	172.554.491.407
- Công ty TNHH Huy Hồng	38.054.105.883	20.615.207.083
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	19.856.827.041	19.856.827.041
- Công ty TNHH MTV TM Nghĩa Thắng II	16.764.839.673	17.631.025.423
- DNTN Trạm Xăng dầu Phước Thành	14.816.469.682	16.130.950.902
- DNTN Trạm Xăng dầu Nghĩa Thắng	16.277.037.219	15.868.644.719

848  
 IG TY  
 ẾM T  
 4 TÂN  
 HI NH  
 THÂN  
 3 CHÍ  
 40 H

3482-003  
 3 TY TNHH  
 M TOÁN  
 TÂN VIỆT  
 NHÁNH  
 ANH PH  
 4 MINH  
 40 CHÍ MINH



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TNHH TM Hồ Bửu	31.559.294.800	14.875.608.400
- DNTN Huy Dũng	-	6.745.967.836
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Phan Tuấn	14.756.843.048	6.501.375.349
- Công ty TNHH Xăng dầu Huy Hoàng	9.776.426.530	6.436.848.742
- Các đối tượng khác	150.778.490.446	223.032.550.577
<b>Cộng</b>	<b>818.243.105.244</b>	<b>910.686.905.163</b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Hóa An	-	38.000.000.000
- Lê Văn Nhỏ (Nguyễn Thị Cúc)	18.141.000.000	18.141.000.000
- Lư Kỳ Tuyết	-	30.000.000.000
- Nguyễn Mạnh Hùng	26.121.578.600	26.121.578.600
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	19.283.183.250	19.283.183.250
- Tổng Công ty Đầu tư PT Nhà và Đô Thị	17.808.113.439	16.231.568.939
- Nguyễn Vũ Hữu Minh	-	12.301.090.000
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	235.416.571.087	-
- Các đối tượng khác	134.982.876.972	198.220.487.329
<b>Cộng</b>	<b>486.451.723.348</b>	<b>392.997.308.118</b>
<b>5. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng của CBCNV	292.673.845	33.510.759.845
- Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương (*)	152.275.169.971	99.674.466.820
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương (*)	-	14.718.679.937
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương (*)	9.172.427.607	10.152.936.743
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	2.542.972.622	4.778.158.328
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ (*)	115.095.000	422.015.000

003  
TNHH  
DÂN  
VIỆT  
NH  
PHỐ  
NH  
CHÍNHTNHH  
DÂN  
VIỆT  
NH  
PHỐ  
NH  
CHÍNH

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*)	1.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương	-	6.219.236.112
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	2.733.333.333
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh TP.HCM	-	98.888.889
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS	53.407.535.547	2.406.394.503
- Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Cái Mép - Vũng Tàu	11.603.485.761	-
- Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu	17.876.117.227	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	1.739.736.111	188.356.164
- Các đối tượng khác	2.974.020.795	2.021.657.545
<b>Cộng</b>	<b>253.599.234.486</b>	<b>176.924.883.219</b>

(\*) Các khoản phải thu về tiền bán cổ phần, phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia.

**6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH Phúc Gia Khang	540.000.000	540.000.000	540.000.000	540.000.000
- Công ty TNHH Norco Tiles	523.666.200	523.666.200	523.666.200	523.666.200
<b>Cộng</b>	<b>1.063.666.200</b>	<b>1.063.666.200</b>	<b>1.063.666.200</b>	<b>1.063.666.200</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	54.445.663.586	79.420.767.852
- Nguyên liệu, vật liệu	5.460.982.982	4.496.889.145
- Công cụ, dụng cụ	488.873.475	1.277.766.260
- Thành phẩm Bất động sản	650.185.473.037	472.848.410.488
- Hàng hóa	635.509.882.032	646.291.293.436
<b>Cộng</b>	<b>1.346.090.875.112</b>	<b>1.204.335.127.181</b>





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.761.016.230	4.241.012.748
- Tăng trong năm	10.637.216.807	3.962.470.533
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(10.426.659.767)	(3.361.548.431)
- Giảm khác	(68.965.248)	(3.080.918.620)
- <b>Số cuối năm</b>	<b>1.902.608.022</b>	<b>1.761.016.230</b>

**9. Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu của Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT được khấu trừ	523.019.893	10.028.201.278
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.537.134.911
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	4.209.683.011
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	3.291.934.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.460.764	-
<b>Cộng</b>	<b>3.685.480.657</b>	<b>20.066.953.200</b>

**10. Phải thu dài hạn của khách hàng**

- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải STS	9.500.000.000	-
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	6.000.000.000	-
- Dương Triều Đại	7.000.000.000	-
- Lê Hoài Nam	5.050.000.000	-
- Lê Minh Tùng	6.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	110.903.428.101	-
<b>Cộng</b>	<b>144.453.428.101</b>	<b>-</b>

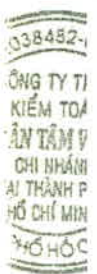
**11. Trả trước cho người bán dài hạn**

14.135.374.740

Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

**12. Phải thu dài hạn khác**

- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	480.000.000	280.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.480.000.000</b>	<b>20.280.000.000</b>



**TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		466.984.909.660	52.050.431.630	71.759.022.309	5.531.382.002	987.968.000	597.313.713.601
- Tăng trong năm		178.943.987.980	40.436.837.302	37.583.271.959	329.467.731	-	257.293.564.972
- Thanh lý, nhượng bán		(1.478.517.950)	(959.735.426)	(375.665.600)	(219.954.364)	-	(3.033.873.340)
- Số cuối năm		<b>644.450.379.690</b>	<b>91.527.533.506</b>	<b>108.966.628.668</b>	<b>5.640.895.369</b>	<b>987.968.000</b>	<b>851.573.405.233</b>
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		261.238.759.907	36.056.974.954	38.571.127.166	2.622.279.272	908.163.000	339.397.304.299
- Khấu hao trong năm		24.874.271.362	4.326.261.816	5.714.374.609	526.309.712	26.004.000	35.467.221.499
- Thanh lý, nhượng bán		(414.914.892)	(511.197.941)	(265.065.576)	(217.958.501)	-	(1.409.136.910)
- Số cuối năm		<b>285.698.116.377</b>	<b>39.872.038.829</b>	<b>44.020.436.199</b>	<b>2.930.630.483</b>	<b>934.167.000</b>	<b>373.455.388.888</b>
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		205.746.149.753	15.993.456.676	33.187.895.143	2.909.102.730	79.805.000	257.916.409.302
- Tại ngày cuối năm		<b>358.752.263.313</b>	<b>51.655.494.677</b>	<b>64.946.192.469</b>	<b>2.710.264.886</b>	<b>53.801.000</b>	<b>478.118.016.345</b>
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		151.859.287.312	25.038.952.449	17.642.124.206	1.399.261.945	782.948.000	196.722.573.912
- Tại ngày cuối năm		<b>167.095.614.130</b>	<b>26.395.833.979</b>	<b>17.424.458.606</b>	<b>1.338.430.936</b>	<b>782.948.000</b>	<b>213.037.285.651</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngày 28 tháng 5 năm 2016

203  
CÔNG  
KIẾ  
HÀNH  
CH  
TÀI T  
HỘ  
Y/PH



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**14. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Giấy phép xả nước thải (b)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
- Số đầu năm	4.832.818.182	172.900.166.656	318.181.819	178.051.166.657
- Tăng trong năm	-	12.824.000.000	-	12.824.000.000
- Số cuối năm	<b>4.832.818.182</b>	<b>185.724.166.656</b>	<b>318.181.819</b>	<b>190.875.166.657</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
- Số đầu năm	-	57.519.653.984	39.772.725	57.559.426.709
- Khấu hao trong năm	-	4.185.197.034	31.818.180	4.217.015.214
- Số cuối năm	-	<b>61.704.851.018</b>	<b>71.590.905</b>	<b>61.776.441.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	4.832.818.182	115.380.512.672	278.409.094	120.491.739.948
- Tại ngày cuối năm	<b>4.832.818.182</b>	<b>124.019.315.638</b>	<b>246.590.914</b>	<b>129.098.724.734</b>

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.

(b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 15. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐSĐT	Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn (b)	Nhà cửa, vật kiến trúc (a)	Tổng cộng
<b>Chi tiêu</b>				
Nguyên giá	123.860.000.000	34.202.843.429	31.884.551.972	189.947.395.401
<b>Giá trị hao mòn</b>				
- Số đầu năm	-	6.045.921.733	15.440.339.156	21.486.260.889
- Khấu hao trong năm	-	771.422.508	435.833.028	1.207.255.536
- Số cuối năm	-	6.817.344.241	15.876.172.184	22.693.516.425
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	123.860.000.000	28.156.921.696	16.444.212.816	168.461.134.512
- Tại ngày cuối năm	123.860.000.000	27.385.499.188	16.008.379.788	167.253.878.976

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng cho thuê tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

(b) Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên. Diện tích đất thuê còn lại tính đến ngày 31/12/2016 là 61.890,3 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất đến ngày 24 tháng 10 năm 2054 (45 năm).

### 16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu dân cư An Sơn	-	191.296.137.500
- Khu Nhà TM Phú Thọ	849.179.522	-
- Khu Nhà TM An Bình	6.556.886.871	-
<b>Cộng</b>	<b>7.406.066.393</b>	<b>191.296.137.500</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình sau:

Công trình	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu	62.345.735	24.250.000	5.727.273	80.868.462
- Công trình Phụ	4.807.304.125	8.815.916.240	4.639.028.329	8.984.192.036
- Dự án Công viên mở rộng	863.866.366	16.750.000	863.866.366	16.750.000
- Dự án Khu kho cảng An Sơn và Kho xăng dầu VK102	685.513.951.475	98.543.014.903	246.049.855.074	538.007.111.304
- Khu Công nghiệp Bình Dương	-	945.540.525	-	945.540.525
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	-	885.436.818	-	885.436.818
- Công trình Mở Đá	30.843.427.595	15.395.281.737	-	46.238.709.332
- Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới	598.122.278	7.090.547.939	-	7.688.670.217
<b>Cộng</b>	<b>722.689.017.574</b>	<b>131.716.738.162</b>	<b>251.558.477.042</b>	<b>602.847.278.694</b>

**18. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (tham chiếu V.19)	-	830.000.000.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương)	69.498.360.000	78.144.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	38.314.539.787
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.673.000.000	7.673.000.000
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	26.011.998.398	26.011.998.398
<b>Cộng</b>	<b>165.497.898.185</b>	<b>1.004.143.538.185</b>

 WANG  
 NGUYEN  
 THANH  
 LE

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con vào ngày 31/12/2016 như sau:

	Vốn của Tổng Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	69.498.360.000	106.883.630.000	65,02%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	50.020.539.787	76,60%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	26.011.998.398	26.000.000.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>165.497.898.185</b>		
<b>19. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>490.000.000.000</b>		-

Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương), Vốn góp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 là 490.000.000.000 Đồng, chiếm 49% Vốn điều lệ tại Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	3.070.001.907	207.072.500	2.071.416.479	1.205.657.928
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a]	7.700.000.007	-	2.200.000.002	5.500.000.005
- Tiền thuê kho xăng dầu [b]	11.154.000.000	5.148.000.000	16.302.000.000	-
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m <sup>2</sup> ) [c]	4.245.978.106	-	292.097.684	3.953.880.422
- Phí dự án Khu Dân Cư Bình Đường (Công ty Dĩnh Huy)	5.494.141.733	-	5.494.141.733	-
- Chi phí khác	-	999.780.111	220.984.185	778.795.926
<b>Cộng</b>	<b>31.664.121.753</b>	<b>6.354.852.611</b>	<b>26.580.640.083</b>	<b>11.438.334.281</b>

38482  
 NG TY 1  
 TIEM TO  
 T T M I  
 MI NHAN  
 THANH P  
 CHI MIN  
 HO C



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- [a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).
- [b] Chi phí tiền sử dụng đất trả trước theo Hợp đồng hợp tác đầu tư sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế số 01-2012/CHC.QK7 - Thanh Lễ ngày 14 tháng 05 năm 2012 giữa Cục Hậu Cần Quân khu 7 và Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV.
- [c] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

### 21. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	233.257.481.788	415.096.514.367
- Petrolimex Singapore PTE LTD	322.853.333.739	175.903.415.478
- Petrochina International (Singapore) Pte Ltd	100.237.574.237	88.860.935.500
- Petro Summit PTE LTD	-	88.157.314.463
- Công ty TNHH TM và DV Tổng hợp Hòa Khánh	35.676.317	40.921.630.708
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	2.458.172.691	7.551.549.310
- InterChem Pte Ltd	114.669.968.918	-
- Select Oil Pte Ltd	127.874.141.217	-
- VietSea Company PTE. LTD.	135.676.639.339	-
- Các đối tượng khác	11.495.219.547	11.588.542.588
<b>Cộng</b>	<b>1.048.558.207.793</b>	<b>828.079.902.414</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Công ty TNHH Địa ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	-	6.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Phú Sang	-	10.902.844.852
- Đào Thị Thanh Nguyên	-	2.800.000.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	-	2.000.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.309.404.206	12.370.500.165
<b>Cộng</b>	<b>2.309.404.206</b>	<b>34.573.345.017</b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	(10.020.503.476)	140.871.704.888	131.361.089.587	(509.888.175)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(2.537.134.911)	224.196.333.926	193.709.523.341	27.949.675.674
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(4.209.683.011)	68.528.564.562	51.109.321.243	13.209.560.308
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(3.291.934.000)	159.892.394.444	142.229.107.240	14.371.353.204
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.118.496.547	3.638.533.680	22.919.490.991	(3.162.460.764)
- Thuế Thu nhập cá nhân	48.365.912	1.373.101.266	1.044.562.190	376.904.988
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	11.747.598.885	11.747.598.885	-
- Các loại thuế khác (Bảo vệ môi trường, Môn bài)	120.605.278.935	1.000.333.837.705	1.078.512.184.400	42.426.932.240
- Phí, lệ phí	-	250.529.400	250.529.400	-
- Lợi nhuận nộp Ngân sách	16.311.411.261	46.461.837.627	16.311.411.261	46.461.837.627
<b>Cộng</b>	<b>133.024.297.257</b>	<b>1.657.294.436.383</b>	<b>1.649.194.818.538</b>	<b>141.123.915.102</b>
<b>Trong đó</b>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	153.091.250.457			144.809.395.759
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(20.066.953.200)			(3.685.480.657)





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- \* Không chịu thuế : Chuyển quyền sử dụng đất
- \* 5% : Nước sinh hoạt
- \* 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

### Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng xăng A92 nhập khẩu.

### Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

### Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

### Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>24. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay	1.828.939.400	2.107.463.560
- Phí môi giới	-	188.590.000
- Chi phí thi công (*)	19.396.686.082	
- Chi phí ăn ca tháng 12 năm 2016	261.369.384	-
<b>Cộng</b>	<b>21.486.994.866</b>	<b>2.296.053.560</b>
(*) Khoản trích theo hợp đồng kinh tế số 01/HĐ-MAT16 ngày 19/07/2016 thi công xây dựng hệ thống cấp nước là 585.536.364 và trích theo hợp đồng kinh tế số 10/HTXVH-TL/TC2016 ngày 03/10/2016 là 18.811.149.718 tại Khu Đô thị Dịch vụ Thương mại Sóng Thần (Khu B), phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.		
<b>25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>		
Tiền thuê ngắn hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:		
- Số đầu năm	-	
- Tăng trong năm	15.427.693.438	
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(15.163.693.438)	
- <b>Số cuối năm</b>	<b>264.000.000</b>	
<b>26. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	566.557.182	578.222.977
- Công an tỉnh Bình Dương	284.949.073	-
<b>Cộng</b>	<b>851.506.255</b>	<b>578.222.977</b>
<b>27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
27.1 Vay ngắn hạn	1.967.727.118.910	3.093.085.100.688
27.2 Vay dài hạn đến hạn trả	99.344.000.000	243.437.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.067.071.118.910</b>	<b>3.336.522.600.688</b>


 01/01  
 TNP  
 AN  
 7/1  
 TH  
 PH  
 BINH  
 CH



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2016**27.1 Vay ngắn hạn**

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
a. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	1.044.707.424.594	2.482.678.935.421	2.929.849.231.685	597.537.128.330
b. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	897.720.739.442	2.666.208.163.799	2.935.923.500.629	628.005.402.612
c. Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	306.209.612.473	557.666.066.066	758.354.133.708	105.521.544.831
d. Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	108.779.076.840	516.852.363.300	463.246.100.140	162.385.340.000
e. Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	197.511.999.027	458.715.837.064	477.282.648.821	178.945.187.270
f. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	117.031.715.562	711.050.216.025	599.024.393.277	229.057.538.310
g. Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	-	173.141.786.503	106.866.808.946	66.274.977.557
h. Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	366.026.081.957	76.838.756.673	442.864.838.630	-
i. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương	55.098.450.793	71.210.966.244	126.309.417.037	-
j. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.093.085.100.688</b>	<b>7.814.363.091.095</b>	<b>8.939.721.072.873</b>	<b>1.967.727.118.910</b>



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- a. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo Hợp đồng cấp tín dụng số 066K16 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 079B16 ngày 20/10/2016, cụ thể:
- Hạn mức vay : 2.000.000.000.000 Đồng
  - Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
  - Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
  - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản
- b. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 16.49.0168/2016-HĐTDHM/NHCT640-TCT THANH LE ngày 01/11/2016, cụ thể:
- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
  - Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 1/11/2016 đến ngày 31/10/2017
  - Thời hạn vay : Tối đa 05 tháng theo từng Giấy nhận nợ
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
  - Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
  - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản
- c. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn** theo hợp đồng số 19980.15.110.969666.TD ngày 18/09/2015 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 19980.15.110.969666.TD.PL2 ngày 01/10/2016, cụ thể:
- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
  - Thời hạn cấp hạn mức : Phụ lục hợp đồng gia hạn cho đến ngày 30/11/2016
  - Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2015-2016
  - Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
  - Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản





## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

d. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

e. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh** theo Hợp đồng vay số 0021/HDTĐ2 – VIB880/16 ngày 10/11/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

f. **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/83406/HĐTĐ ngày 15/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

48  
TY  
M T  
TÀI  
I NH  
THÀ  
CH  
C H  
C  
C  
K  
H  
C  
T  
H  
P

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

g. Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad theo hợp đồng số HCMC/LO/THALEXIM/01.2016 ngày 14/01/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 3.500.000 USD hoặc VND tương đương
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C Nhập khẩu, mua các nguyên vật liệu thô/hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh và Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC) để dự phòng biến động ngoại tệ
- Lãi suất : Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm. Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

**27.2 Vay dài hạn đến hạn trả**

	Số đầu năm	Chuyển từ Vay dài hạn sang	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	73.437.500.000	99.344.000.000	73.437.500.000	99.344.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>243.437.500.000</b>	<b>99.344.000.000</b>	<b>243.437.500.000</b>	<b>99.344.000.000</b>

(Xem Thuyết minh V.33)

**28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	15.591.358.827	12.886.188.312	4.754.000.000	23.723.547.139
- Quỹ Phúc lợi	7.854.853.357	3.000.000.000	5.614.069.259	5.240.784.098
- Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	1.275.155.248	322.625.000	-	1.597.780.248
<b>Cộng</b>	<b>24.721.367.432</b>	<b>16.208.813.312</b>	<b>10.368.069.259</b>	<b>30.562.111.485</b>

003  
 TNHH  
 OÁN  
 VIỆT  
 ANH  
 H PHỐ  
 MINH  
 S CH

3841  
 VG T  
 EM  
 T  
 H NH  
 TH  
 CH  
 S H



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**29. Quỹ bình ổn giá**

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	143.299.908.463	181.337.121.300	241.207.549.337	83.429.480.426
- Lãi quỹ bình ổn giá	1.272.001.099	562.098.321	-	1.834.099.420
<b>Cộng</b>	<b>144.571.909.562</b>	<b>181.899.219.621</b>	<b>241.207.549.337</b>	<b>85.263.579.846</b>

**30. Người mua trả tiền trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Địa ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	33.249.854.607	-
- Các đối tượng khác	590.529.120	-
<b>Cộng</b>	<b>33.840.383.727</b>	<b>-</b>

**31. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	292.405.617.599	280.708.062.715
- Tăng trong năm	123.456.366.666	39.251.947.057
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.777.111.046)	(27.554.392.173)
- <b>Số cuối năm</b>	<b>403.084.873.219</b>	<b>292.405.617.599</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**32. Phải trả dài hạn khác**

Chủ yếu là các khoản tiền nhận ký quỹ của các khách hàng thuê đất, thuê kho bãi, văn phòng và nhà xưởng:

- Công ty CP Giang Nam Logistics	50.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải STS	-	2.000.000.000
- Công ty TNHH Dong - A Vina	3.473.606.220	3.435.501.720
- Công ty TNHH Đất Mới	750.333.402	742.102.452
- Công ty TNHH Gomo Việt Nam	1.367.400.000	1.352.400.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT tại Bình Dương	150.000.000	-
- Công ty TNHH DeMiSa	600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dầu Nhờn S.T.S	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất Nhập khẩu Triệu Cơ	579.391.954	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thanh Lễ G.A.R.D.E.N	506.400.000	-
- Công ty TNHH Dae Kwang Apparel	6.837.000.000	6.762.000.000
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.030.308.552	1.019.006.352
- Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Bình Dương	683.700.000	676.200.000
- Công ty TNHH Saveri Home & Garden Việt Nam	397.913.400	393.548.400
- Công ty Cổ Phần Sung Hyun Vina	-	4.113.493.650
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	3.046.129.632	3.012.714.432
- Công ty TNHH Bất động sản Thảo Điền	1.799.802.000	1.799.802.000
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	1.925.846.160	1.904.720.160
<b>Cộng</b>	<b>75.147.831.320</b>	<b>77.211.489.166</b>

**33. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	252.562.500.000	267.000.000.000
- Vay trong năm	58.000.000.000	229.000.000.000
- Chuyển sang nợ vay dài hạn đến hạn trả	(99.344.000.000)	(243.437.500.000)
- Số cuối năm	<b>211.218.500.000</b>	<b>252.562.500.000</b>



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

- a. Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
  - Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
  - Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
  - Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
  - Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng
- Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:
- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
  - + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
  - + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên
- Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng
- Số dư 31/12/2016 : 147.750.000.000 Đồng
- Trong đó nợ : 49.250.000.000 Đồng  
vay đến hạn trả  
trong năm 2017



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

b. Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 16 tháng 03 năm 2015, cụ thể:

- Hạn mức vay : 224.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kê và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, .... thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND  
  
Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND
- Số dư 31/12/2016 : 162.812.500.000 Đồng  
  
*Trong đó nợ : 50.094.000.000 Đồng  
vay đến hạn trả  
trong năm 2017*



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**34. Vốn chủ sở hữu**

A	Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
34.1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.639.000.000.000	62.266.591.663	-	1.701.266.591.663
34.2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.701.420.577	8.701.420.577	-
34.3	Quỹ đầu tư phát triển	31.279.324.118	12.592.002.380	43.871.326.498	-
34.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	41.973.341.268	41.973.341.268	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.670.279.324.118</b>	<b>125.533.355.888</b>	<b>94.546.088.343</b>	<b>1.701.266.591.663</b>
B	Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
34.1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.701.266.591.663	-	-	1.701.266.591.663
34.2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	11.438.799.822	11.438.799.822	-
34.3	Quỹ đầu tư phát triển	-	26.858.850.402	-	26.858.850.402
34.4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	201.269.239.656	-	201.269.239.656
34.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	89.529.501.341	89.529.501.341	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.701.266.591.663</b>	<b>329.096.391.221</b>	<b>100.968.301.163</b>	<b>1.929.394.681.721</b>

003 - C  
NH  
ÁN  
VIỆT  
PHỐ  
HÌNH  
S CHỈ MÃ

C.T. TNHH  
MTV

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**34.1 Vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11 tháng 11 năm 2015, Vốn điều lệ đăng ký là **1.717.144.000.000** Đồng.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.701.266.591.663	1.639.000.000.000
- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển	-	43.871.326.498
- Bổ sung từ giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	17.173.294.902
- Bổ sung từ Giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	-	1.221.970.263
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.701.266.591.663</b>	<b>1.701.266.591.663</b>

**34.3 Quỹ Đầu tư phát triển**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	-	31.279.324.118
- Bổ sung từ lợi nhuận năm nay	26.858.850.402	12.592.002.380
- Chuyển sang tăng vốn chủ sở hữu	-	(43.871.326.498)
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.858.850.402</b>	<b>-</b>

**34.4 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp**

Số tiền thu được do bán cổ phần tại các công ty con thực hiện cổ phần hóa và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty như sau:

- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	175.682.689.150
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	25.586.550.506
<b>Cộng</b>	<b>201.269.239.656</b>

**34.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Tổng Công ty phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận năm trước chưa PP chuyển năm nay	-	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	89.529.501.341	41.973.341.268
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(89.529.501.341)	(41.973.341.268)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(26.858.850.402)	(12.592.002.380)
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(15.886.188.312)	(12.717.660.124)
Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(322.625.000)	(352.267.503)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(46.461.837.627)	(16.311.411.261)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	-	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	6.452.587.589.827	13.348.679.261.291
- Doanh thu bán các thành phẩm	788.439.543	161.991.818
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.033.628.647	41.885.818.971
- Doanh thu kinh doanh BĐS	113.767.390.724	341.993.765.690
<b>Cộng</b>	<b>6.624.177.048.741</b>	<b>13.732.720.837.770</b>
<b>36. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.281.999.951.754	13.174.356.794.916
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.064.043.351	409.986.562
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.802.161.950	13.554.200.153
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	61.244.125.864	208.370.481.500
<b>Cộng</b>	<b>6.366.110.282.919</b>	<b>13.396.691.463.131</b>

038482  
 TỔNG TY  
 KIỂM T  
 TÂN TÂN  
 CHI NH  
 TẠI THÂN  
 HỒ CHÍ I  
 PHỐ HI

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**37. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi ngân hàng	32.620.967.840	79.403.758.077
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.537.195.157	115.296.131.891
- Lãi chênh lệch tỷ giá	12.793.448.419	2.403.742.003
<b>Cộng</b>	<b>180.951.611.416</b>	<b>197.103.631.971</b>

**38. Chi phí tài chính**

- Chi phí lãi tiền vay	83.921.148.463	110.151.176.572
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.406.464.623	107.778.337.238
<b>Cộng</b>	<b>96.327.613.086</b>	<b>217.929.513.810</b>

**39. Chi phí bán hàng**

- Chi phí nhân viên	53.111.937.842	44.724.869.357
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.060.900.852	1.969.300.820
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.111.816.783	3.008.069.197
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.570.231.620	6.244.672.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.184.069.744	79.263.137.605
- Chi phí bằng tiền khác	54.743.069.684	71.116.575.374
<b>Cộng</b>	<b>196.782.026.525</b>	<b>206.326.624.353</b>

**40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí nhân viên quản lý	21.635.986.314	17.303.789.239
- Chi phí vật liệu quản lý	539.923.544	632.650.845
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.373.793.032	623.262.130
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.520.105.158	5.781.722.762
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.812.465.764	9.883.245.452
- Chi phí bằng tiền khác	14.175.569.106	8.404.846.637
<b>Cộng</b>	<b>52.057.842.918</b>	<b>42.629.517.065</b>





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**41. Thu nhập khác**

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	2.522.727.272	436.363.636
- Thu tiền điện, nước khách thuê	318.800.017	295.146.542
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	1.506.745.112	841.732.824
- Thu nhập khác	632.442.560	607.533.890
<b>Cộng</b>	<b>4.980.714.961</b>	<b>2.180.776.892</b>

**42. Chi phí khác**

- Chi phí thanh lý TSCĐ	2.491.465.536	589.077.842
- Phí tàu già, phí lưu tàu	1.421.193.171	114.856.006
- Các khoản tiền phạt	1.484.587.091	-
- Chi phí khác	604.732.688	76.983.699
<b>Cộng</b>	<b>6.001.978.486</b>	<b>780.917.547</b>

**43. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.829.631.184	67.647.210.727
- Cộng Chi phí không được trừ	1.710.182.091	185.000.000
- Trừ Thu nhập không chịu thuế	(135.537.195.157)	(115.296.131.891)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(40.997.381.882)	(47.463.921.164)
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	16.500.649.217	116.699.406.631
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD	(57.498.031.099)	(164.163.327.795)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
- Thuế TNDN theo thuế suất	3.300.129.843	25.673.869.459
- Thuế TNDN tạm tính theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản	338.403.837	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>3.638.533.680</b>	<b>25.673.869.459</b>

84  
G T  
EM  
V T  
HI N  
THÀ  
CH  
Y H

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

### 44. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do Công ty tạm tính thuế TNDN phải nộp theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua Bất động sản:

- Số tiền thu ứng trước theo tiến độ	33.840.383.729
- Tỷ lệ tính thuế TNDN tạm nộp 1%	1%
<b>Tài sản thuế và Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>338.403.837</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về cổ phần hóa

Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về thực hiện cổ phần hoá Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên và Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh thời điểm khóa sổ để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty con - cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết - cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương





**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**Giao dịch với các bên liên quan:**

Bên liên quan Các giao dịch	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lê	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
<b>* Nợ phải thu khách hàng</b>						
- Số đầu năm	3.066.903.500	43.177.265.282	-	-	11.306.960	(2.660.000)
- Tăng trong năm	35.891.747.259	38.613.668.767	-	-	108.643.150	54.381.034.000
- Giảm trong năm	36.587.357.849	81.790.934.049	-	-	110.556.020	54.418.936.000
- Số cuối năm	<b>2.371.292.910</b>	-	-	-	<b>9.394.090</b>	<b>(40.562.000)</b>
<b>* Phải thu lãi cổ tức và tiền bán cổ phần</b>						
- Số đầu năm	4.778.158.328	-	14.718.679.937	10.152.936.743	422.015.000	99.674.466.820
- Tăng trong năm	2.542.972.622	1.600.000.000	-	35.767.360.864	115.095.000	648.956.354.922
- Giảm trong năm	4.778.158.328	-	14.718.679.937	36.747.870.000	422.015.000	596.355.651.771
- Số cuối năm	<b>2.542.972.622</b>	<b>1.600.000.000</b>	-	<b>9.172.427.607</b>	<b>115.095.000</b>	<b>152.275.169.971</b>
<b>* Nợ phải trả người bán</b>						
- Số đầu năm	7.551.549.310	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	68.796.582.815	647.080.935.816	-	-	262.418.274	581.820.687
- Giảm trong năm	73.889.959.434	882.497.506.903	-	-	248.682.274	581.820.687
- Số cuối năm	<b>2.458.172.691</b>	<b>(235.416.571.087)</b>	-	-	<b>13.736.000</b>	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

**3. Thông tin so sánh**

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại số liệu năm 2015 theo Biên bản Kết luận Thanh tra Bộ Tài chính ngày 15 tháng 7 năm 2016 và trình bày lại số liệu đầu năm 2016 của một số chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

- Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
<b>A Bảng cân đối kế toán</b>			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	152.817.698.223	273.552.234	153.091.250.457
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	15.206.655.769	911.840.778	16.118.496.547
<i>Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước</i>	16.949.699.805	(638.288.544)	16.311.411.261
- Vốn góp của chủ sở hữu	1.701.540.143.897	(273.552.234)	1.701.266.591.663
<b>B Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.762.028.681	911.840.778	25.673.869.459
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	42.885.182.046	(911.840.778)	41.973.341.268

**4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2016**

- Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 100/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.
- Thông tư số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
- Thông tư số 48/2016/TT-BTC ngày 17/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.



482-Q  
CÔNG TY TNHH  
KIỂM TOÁN  
NHÂN TÂM VIỆT  
CHI NHÁNH  
TẠI THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
SỞ CŨ



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2016

- Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
- Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BTC-BCT ngày 24/06/2016 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Băng Trang

Giám đốc



Đoàn Minh Quang

